

**PHỤ LỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BAN HÀNH MỚI, BỊ BÃI BỎ**  
**TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            /            /2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**  
**1. Danh mục TTHC nội bộ mới ban hành thuộc phạm vi chức năng**  
**quản lý của Sở Xây dựng**

| STT                       | Tên TTHC nội bộ                                                                                            | Lĩnh vực         | Cơ quan thực hiện               |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------|
| 01                        | Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ                                                                      | Quản lý công sản | Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã |
| 02                        | Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ                                                                 | Quản lý công sản | Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã |
| 03                        | Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ                                                                     | Quản lý công sản | Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã |
| 04                        | Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư | Quản lý công sản | Chủ tịch UBND tỉnh              |
| <b>Tổng cộng: 04 TTHC</b> |                                                                                                            |                  |                                 |

**2. Danh mục TTHC nội bộ bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý**  
**của Sở Xây dựng**

| STT | Tên TTHC nội bộ                                     | Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC               | Lĩnh vực         | Cơ quan thực hiện      |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|------------------------|
| 01  | Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | Nghị định 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ | Quản lý công sản | UBND tỉnh, UBND cấp xã |

| STT                       | Tên TTHC nội bộ                                                                        | Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC               | Lĩnh vực         | Cơ quan thực hiện      |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|------------------------|
| 02                        | Điều chuyển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                        | Nghị định 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ | Quản lý công sản | UBND tỉnh, UBND cấp xã |
| 03                        | Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                | Nghị định 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ | Quản lý công sản | UBND tỉnh, UBND cấp xã |
| 04                        | Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ                                   | Nghị định 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ | Quản lý công sản | UBND tỉnh, UBND cấp xã |
| 05                        | Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại | Nghị định 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ | Quản lý công sản | UBND tỉnh, UBND cấp xã |
| <b>Tổng cộng: 05 TTHC</b> |                                                                                        |                                                      |                  |                        |

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**

### **Lĩnh vực Quản lý công sản**

#### **1. Tên thủ tục: “Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ”.**

##### **a. Trình tự thực hiện:**

a1) Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: 01 bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương/cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng; cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 6, Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ;

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **2. Tên thủ tục: “*Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ*”.**

### **2.1. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

**2.1.1.** Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

**b.** Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **c1) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **2.2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

**2.2.1. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.**

a. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d.** Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**đ.** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã

**e.** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp xã.

**g.** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

**h.** Phí, lệ phí: Không có.

**i.** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 02C.

**k.** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

**l.** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **2.3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

**2.3.1.** Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt

**a.** Trình tự thực hiện:

- Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ,

trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 02D.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 16 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **3. Tên thủ tục: “Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ”.**

**3.1. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ** (quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP)

#### **a. Trình tự thực hiện:**

a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **c1) Thành phần hồ sơ:**

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản sao;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP);

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

##### **c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

#### **d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.**

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01C.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **3.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

**3.2.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang địa phương khác**

**a. Trình tự thực hiện:**

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản sao. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý,

phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này): 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d.** Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**đ.** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã

**e.** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND tỉnh, UBND cấp xã

**g.** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

**h.** Phí, lệ phí: Không có.

**i.** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

**k.** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

**l.** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **3.3. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

**a.** Trình tự thực hiện:

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định việc chuyển giao tài sản.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản sao;

Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập: 01 bản chính;

Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;  
Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01C.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 15 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

### **3.4. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ**

**a. Trình tự thực hiện:**

a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã.

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, UBND cấp xã

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01C.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **3.5. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

a1) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **c1) Thành phần hồ sơ:**

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản sao;

Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

##### **c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

#### **d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.**

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng, cơ quan chuyên môn về đường bộ cấp xã.

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, UBND cấp xã

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01C.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

- Quyết định số 51/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2026 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định giao quản lý, xử lý tài sản và phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 ban hành quy định việc quản lý đường tỉnh, đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**4. Tên thủ tục:** ***“Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư”.***

**a. Trình tự thực hiện:**

a1) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

a2) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án): 01 bản chính;

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d.** Thời hạn giải quyết: 15 ngày.

**đ.** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

**e.** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g.** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

**h.** Phí, lệ phí: Không có.

**i.** Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01C.

**k.** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

**l.** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ./.